

Số: 14/2021/QĐST- HNGĐ

Kon Rẫy, ngày 24 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2021, về việc “*Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con*”, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Y**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn 03, xã Đăk Tơ L, huyện Kon R, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Anh **A**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn 03, xã Đăk Tơ L, huyện Kon R, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14/5/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Y và anh A.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Y và anh A thỏa thuận - thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Có 01 con chung, cháu Y Vân A, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2012. Chị Y và anh A thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn thì giao cháu Y Vân Anh cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Y Vân Anh cho đến khi cháu Y Vân A đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh A có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Căn cứ vào Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Y và anh A mỗi người chịu 75.000 (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, chị Y nhận chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho cả anh A .

Tổng cộng chị Y phải chịu 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn đồng*) đồng mà chị Y đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0004613 ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum. Hoàn trả lại cho chị Y số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kon Rẫy;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Đã ký

Đồng Thị Bình